

STT trên danh sách

.....

PHIẾU ĐĂNG KÝ MÔN HỌC LỰA CHỌN
Năm học 2023 - 2024

1. Họ tên học sinh:.....; Trường THCS:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....; Nơi sinh:.....
3. Số CCCD:; Điện thoại:
4. Kết quả học tập lớp 9:

XẾP LOẠI		ĐIỂM TRUNG BÌNH BỘ MÔN CẢ NĂM LỚP 9											Điểm trúng tuyển lớp 10
Hạnh kiểm	Học lực	Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	GDCD	Tin học	Công nghệ	

Đăng ký các môn lựa chọn (đánh dấu x vào ô vuông, mỗi nguyện vọng chỉ đánh 01 dấu x):

Nguyện vọng 1:

- ☐ TH 1: Địa lý, Giáo dục kinh tế & pháp luật, Sinh học, Công nghệ.
- ☐ TH 2: Hóa học, Sinh học, Giáo dục kinh tế & pháp luật, Công nghệ.
- ☐ TH 3: Vật lý, Hóa học, Công nghệ, Tin học.
- ☐ TH 4: Vật lý, Hóa học, Địa lý, Công nghệ.

Nguyện vọng 2:

- ☐ TH 1: Địa lý, Giáo dục kinh tế & pháp luật, Sinh học, Công nghệ.
- ☐ TH 2: Hóa học, Sinh học, Giáo dục kinh tế & pháp luật, Công nghệ.
- ☐ TH 3: Vật lý, Hóa học, Công nghệ, Tin học.
- ☐ TH 4: Vật lý, Hóa học, Địa lý, Công nghệ.

Nguyện vọng 3:

- ☐ TH 1: Địa lý, Giáo dục kinh tế & pháp luật, Sinh học, Công nghệ.
- ☐ TH 2: Hóa học, Sinh học, Giáo dục kinh tế & pháp luật, Công nghệ.
- ☐ TH 3: Vật lý, Hóa học, Công nghệ, Tin học.
- ☐ TH 4: Vật lý, Hóa học, Địa lý, Công nghệ.

Duyệt của hội đồng tuyển sinh

Ngày tháng 7 năm 2023
Chữ mẹ học sinh
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Điều kiện biên chế lớp:

.....

- (1) Mỗi lớp học có sĩ số phải đảm bảo từ 40 đến 45 học sinh.
- (2) Xét tổng điểm trung bình cả năm lớp 9 của 5 môn tổ hợp theo thứ tự ưu tiên từ nguyện vọng từ 1 đến nguyện vọng 3.
- (3) Bắt buộc chọn đủ 3 nguyện vọng, trong đó 3 nguyện vọng không được trùng nhau.

TRƯỚC KHI LỰA CHỌN TỔ HỢP, HỌC SINH CẦN

1. Căn cứ năng lực học tập của bản thân đối với các bộ môn trong tổ hợp mà mình lựa chọn.
2. Xác định khối dự thi Đại học – Cao đẳng, ngành nghề tương ứng.
3. Tham khảo ý kiến của Cha (Mẹ) để có sự lựa chọn đúng.

TỔ HỢP MÔN K10 NH 2023 – 2024

	TH1	TH2	TH3	TH4
Môn bắt buộc (8 môn)	1. Toán 2. Ngữ văn 3. Tiếng Anh 4. GDTC 5. GDQP&AN 6. Lịch sử 7. HĐ TN-HN 8. GDĐP	1. Toán 2. Ngữ văn 3. Tiếng Anh 4. GDTC 5. GDQP&AN 6. Lịch sử 7. HĐ TN-HN 8. GDĐP	1. Toán 2. Ngữ văn 3. Tiếng Anh 4. GDTC 5. GDQP&AN 6. Lịch sử 7. HĐ TN-HN 8. GDĐP	1. Toán 2. Ngữ văn 3. Tiếng Anh 4. GDTC 5. GDQP&AN 6. Lịch sử 7. HĐ TN-HN 8. GDĐP
Môn lựa chọn (4 môn)	1. Địa 2. GDKT&PL 3. Sinh 4. Công nghệ	1. Hóa 2. Sinh 3. GDKT&PL 4. Công nghệ	1. Lý 2. Hóa 3. Công nghệ 4. Tin	1. Lý 2. Hóa 3. Địa 4. Công nghệ
Chuyên đề tự chọn (3 môn)	1. Toán 2. Văn 3. Địa	1. Toán 2. Hóa 3. Sinh	1. Toán 2. Lý 3. Hóa	1. Toán 2. Lý 3. Hóa
Khối thi Đại học (cơ bản)	Khối D1 Khối C00	Khối D1 Khối B00	Khối D1 Khối A00	Khối D1 Khối A00

Ghi chú:

- ✓ GDTC: Giáo dục thể chất
- ✓ GDQP&AN: Giáo dục Quốc phòng và An ninh
- ✓ GDKT&PL: Giáo dục Kinh tế và Pháp luật
- ✓ GDĐP: Giáo dục địa phương
- ✓ HĐ TN-HN: Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp